

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**



MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-27



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban điều hành trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng theo:

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng;
- Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần;
- Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200534908, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 05/01/2022.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Cung cấp dịch vụ và xây lắp.

Tên tiếng anh: HAI PHONG PUBLIC WORKS AND TOURISM SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HAPUTOU

Mã chứng khoán: CDH (UpCom)

Trụ sở chính: Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đỗ Trọng Nam	Chủ tịch
Ông	Đỗ Phục Long	Thành viên
Ông	Phạm Song Toàn	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Ông	Đinh Văn Việt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Bùi Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Văn Tâm	Thành viên
Ông	Nguyễn Hữu Minh	Thành viên

Ban điều hành và Kế toán trưởng

Ông	Đỗ Phục Long	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông	Đỗ Trọng Nam	Chủ tịch
-----	--------------	----------

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC (“MOORE AISIC”) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban điều hành đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban điều hành, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban điều hành Công ty



Đỗ Phục Long

Tổng Giám Đốc

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đỗ Trọng Nam

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Số: B1224259/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH****CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần trên báo cáo kiểm toán ngày 21/3/2024.

TP. Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Giám đốc

Số GCNĐKHNT: 4981-2024-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Phan Công Văn
Kiểm toán viên

Số GCNĐKHNT: 5298-2021-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.125.676.076	52.467.530.578
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.402.067.420	10.196.214.596
1. Tiền	111		658.888.114	1.294.866.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.743.179.306	8.901.347.760
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	261.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		261.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.462.608.656	42.271.315.982
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.767.744.342	42.022.638.384
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	60.000.000	128.118.151
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	634.864.314	120.559.447
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.792.021.351	23.649.395.170
I. Tài sản cố định	220		20.792.021.351	23.649.395.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	20.792.021.351	23.649.395.170
- Nguyên giá	222		65.933.928.159	65.203.928.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.141.906.808)	(41.554.532.989)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.917.697.427	76.116.925.748

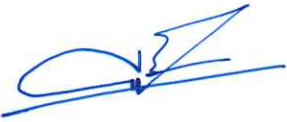
TÍNH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		44.512.127.188	38.474.944.899
I. Nợ ngắn hạn	310		44.512.127.188	38.474.944.899
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	3.378.646.134	927.411.470
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	1.720.000.000	288.158.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	3.636.030.099	3.348.419.823
4. Phải trả người lao động	314		8.047.370.848	7.658.493.460
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	17.353.320.142	18.294.488.530
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	7.708.593.523	5.712.062.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	267.933.454	448.508.075
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.400.232.988	1.797.402.886
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.405.570.239	37.641.980.849
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	28.382.865.986	27.393.579.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.267.450.619	3.485.918.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.115.415.367	3.907.661.377
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		275	(19.017.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.115.415.092	3.926.678.377
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		9.022.704.253	10.248.400.853
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		9.022.704.253	10.248.400.853
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.917.697.427	76.116.925.748



Hoàng Tuấn Anh
Người lập
Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



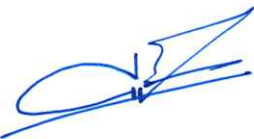
Đỗ Phục Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	130.654.268.927	123.401.936.708
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	149.903.872	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	130.504.365.055	123.401.936.708
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	111.326.390.590	104.720.703.845
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		19.177.974.465	18.681.232.863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	393.774.993	783.504.195
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.524.207.423	14.597.554.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		5.047.542.035	4.867.182.593
11. Thu nhập khác	31	VI.7	177.821.195	1.090.511.076
12. Chi phí khác	32	VI.8	78.579.422	844.872.958
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		99.241.773	245.638.118
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.146.783.808	5.112.820.711
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.031.368.716	1.186.142.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	60		4.115.415.092	3.926.678.377
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.058	900
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	2.058	900



Hoàng Tuấn Anh

Người lập

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Phục Long

Tổng Giám đốc

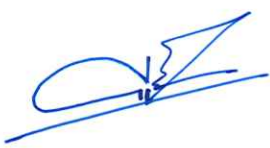
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.146.783.808	5.112.820.711
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	2.361.677.219	2.326.797.732
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(393.774.993)	(1.354.499.110)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.114.686.034	6.085.119.333
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(4.038.580.528)	(17.303.282.578)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		5.424.978.485	6.038.551.505
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.021.995.014)	(1.219.598.477)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.523.299.000)	(47.223.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.955.789.977	(6.446.433.835)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(730.000.000)	(3.180.555.555)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	2.030.223.640
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(261.000.000)	-
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		241.062.847	794.589.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(749.937.153)	(355.742.125)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		4.205.852.824	(7.802.175.960)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.196.214.596	17.998.390.556
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		14.402.067.420	10.196.214.596



Hoàng Tuấn Anh
Người lập
Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Đỗ Phục Long
Tổng Giám đốc

5130
CHI N
NG T
TIẾM
CH V
OORI
TRUN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng theo:

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng;
- Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần;
- Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200534908, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 05/01/2022.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

Tên tiếng anh:	HAI PHONG PUBLIC WORKS AND TOURISM SERVICES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HAPUTOU
Mã chứng khoán:	CDH (UpCom)
Trụ sở chính:	Số 8 khu I Vạn Sơn, Phường Hải Sơn, Quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xây dựng nhà để ô; Xây dựng nhà không để ô;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình thủy;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 256 nhân viên. (Ngày 31/12/2023: 252 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Xây dựng cơ bản	Số 8 khu I Vạn Sơn, P. Hải Sơn, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam	Sửa chữa, xây dựng các công trình của Công ty
Xí nghiệp Công viên cây xanh	Số 8 khu I Vạn Sơn, P. Hải Sơn, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam	Duy tu thường xuyên và không thường xuyên các hạng mục thuộc về Công viên cây xanh
Xí nghiệp Quản lý môi trường	Số 8 khu I Vạn Sơn, P. Hải Sơn, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam	Duy tu thường xuyên và không thường xuyên các hạng mục thuộc về môi trường
Xí nghiệp Vận tải	Số 8 khu I Vạn Sơn, P. Hải Sơn, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam	Thực hiện công tác vận tải để phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty
Xí nghiệp Dịch vụ du lịch	Số 8 khu I Vạn Sơn, P. Hải Sơn, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam	Dịch vụ du lịch

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

11. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

12. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

13. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban điều hành, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

14. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ xây lắp và sửa chữa các công trình, doanh thu phát sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Do vậy, Ban điều hành Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	658.888.114	1.294.866.836
Tiền mặt	115.225.234	21.171.370
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	543.662.880	1.273.695.466
Các khoản tương đương tiền	13.743.179.306	8.901.347.760
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống (*)	13.743.179.306	8.901.347.760
Cộng	14.402.067.420	10.196.214.596

(*) Số dư tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng, lãi suất từ 1,6-4%/năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hải Phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính
ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	261.000.000	261.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	261.000.000	261.000.000	-	-
Cộng	261.000.000	261.000.000	-	-

Số dư tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hải Phòng.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	45.767.744.342	-	42.022.638.384	-
Sở Xây dựng TP Hải Phòng	28.605.020.874	-	27.726.850.601	-
Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng	8.228.555.223	-	7.788.370.450	-
Sở Giao thông TP Hải Phòng	7.244.586.000	-	5.199.030.491	-
Các khách hàng khác	1.689.582.245	-	1.308.386.842	-
Cộng	45.767.744.342	-	42.022.638.384	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	60.000.000	-	128.118.151	-
Viện Quy hoạch Hải Phòng	60.000.000	-	60.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	68.118.151	-
Cộng	60.000.000	-	128.118.151	-

5. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	634.864.314	-	120.559.447	-
Phải thu về tạm ứng cho xí nghiệp về chi phí thực hiện công trình	322.015.154	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi	39.577.567	-	-	-
Phải thu khác	273.271.593	-	120.559.447	-
Cộng	634.864.314	-	120.559.447	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	32.089.493.647	546.296.296	32.568.138.216	65.203.928.159
Mua trong năm	-	-	730.000.000	730.000.000
Số dư cuối năm	32.089.493.647	546.296.296	33.298.138.216	65.933.928.159
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	21.083.209.368	11.332.174	20.459.991.447	41.554.532.989
Khấu hao trong năm	1.449.871.140	78.042.328	2.059.460.351	3.587.373.819
Số dư cuối năm	22.533.080.508	89.374.502	22.519.451.798	45.141.906.808
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	11.006.284.279	534.964.122	12.108.146.769	23.649.395.170
Số dư cuối năm	9.556.413.139	456.921.794	10.778.686.418	20.792.021.351

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.974.860.422 đồng

* Khấu hao của tài sản hình thành từ vốn kinh doanh trích vào chi phí: 2.361.677.219 đồng

7. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.378.646.134	3.378.646.134	927.411.470	927.411.470
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	199.979.387	199.979.387	194.556.048	194.556.048
Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	126.299.000	126.299.000	126.299.000	126.299.000
Công ty CP Bình Phương	41.536.930	41.536.930	41.536.930	41.536.930
Các đối tượng khác	3.010.830.817	3.010.830.817	565.019.492	565.019.492
Cộng	3.378.646.134	3.378.646.134	927.411.470	927.411.470

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Người mua trả tiền trước		31/12/2024	01/01/2024	
a. Ngắn hạn		1.720.000.000	288.158.200	
Chi nhánh Hồng Bàng – Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO		1.720.000.000	-	
Các đối tượng khác		-	288.158.200	
Cộng		1.720.000.000	288.158.200	
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.694.375.046	2.985.041.643	2.829.345.606	1.850.071.083
Thuế thu nhập doanh	1.021.995.014	1.031.368.716	1.021.995.014	1.031.368.716
Thuế thu nhập cá nhân	39.008.763	536.044.814	539.853.777	35.199.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	593.041.000	400.000.000	273.650.500	719.390.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.093.774	4.093.774	-
Cộng	3.348.419.823	4.956.548.947	4.668.938.671	3.636.030.099
10. Chi phí phải trả		31/12/2024	01/01/2024	
a. Ngắn hạn		17.353.320.142	18.294.488.530	
Trích trước chi phí ăn ca, độc hại, xăng xe		233.095.000	-	
Phải trả về chi phí giao khoán thực hiện công trình tại các Xí nghiệp		17.120.225.142	18.294.488.530	
Cộng		17.353.320.142	18.294.488.530	
11. Doanh thu chưa thực hiện		31/12/2024	01/01/2024	
a. Ngắn hạn				
Doanh thu trông coi, chăm sóc phần mộ		3.656.057.899	2.770.408.702	
Doanh thu thu phí dịch vụ vệ sinh		3.522.294.787	2.756.271.390	
Doanh thu chưa thực hiện khác		530.240.837	185.382.363	
Cộng		7.708.593.523	5.712.062.455	
12. Phải trả khác		31/12/2024	01/01/2024	
a. Ngắn hạn				
Các khoản phải trả, phải nộp khác		267.933.454	448.508.075	
Cộng		267.933.454	448.508.075	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	2.829.662.097	3.281.282.610	26.110.944.707
Lợi nhuận	-	-	3.926.678.377	3.926.678.377
Phân phối lợi nhuận	-	656.256.522	(3.281.282.610)	(2.625.026.088)
Giảm khác	-	-	(19.017.000)	(19.017.000)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	3.485.918.619	3.907.661.377	27.393.579.996
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	3.485.918.619	3.907.661.377	27.393.579.996
Lợi nhuận	-	-	4.115.415.092	4.115.415.092
Phân phối lợi nhuận (*)	-	781.532.000	(3.907.661.102)	(3.126.129.102)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	4.267.450.619	4.115.415.367	28.382.865.986

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 09/NQ-ĐHĐCĐ.2024 ngày 27/4/2024 như sau:

Nội dung	Số tiền (đồng)
Trích quỹ đầu tư phát triển	781.532.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.126.129.102
Chia cổ tức cho cổ đông (5%)	1.000.000.000
Cộng	3.907.661.102

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Vốn góp của Nhà nước	57,52%	11.504.340.000	11.504.340.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	42,48%	8.495.660.000	8.495.660.000
Cộng	100,00%	20.000.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024	Năm 2023
và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.000.000.000	1.000.000.000

d. Cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)		
đ. Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển	4.267.450.619	3.485.918.619
Cộng	4.267.450.619	3.485.918.619
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		
Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
a. Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	130.654.268.927	123.401.936.708
Cộng	130.654.268.927	123.401.936.708
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ thường xuyên	88.198.354.114	87.806.694.971
+ Doanh thu dịch vụ không thường xuyên và công trình A ngoài	42.455.914.813	35.595.241.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2024	Năm 2023
Giảm giá hàng bán	149.903.872	-
Cộng	149.903.872	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	130.504.365.055	123.401.936.708
Cộng	130.504.365.055	123.401.936.708
4. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	111.326.390.590	104.720.703.845
Cộng	111.326.390.590	104.720.703.845
Trong đó:		
+ Giá vốn công trình thường xuyên	76.198.607.791	71.248.502.283
+ Giá vốn công trình không thường xuyên và công trình A ngoài	35.127.782.799	33.472.201.562

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	393.774.993	783.504.195
Cộng	393.774.993	783.504.195
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	8.936.549.169	8.523.830.763
Thuế, phí, lệ phí	24.873.600	25.773.600
Chi phí bằng tiền khác	5.562.784.654	6.047.950.102
Cộng	14.524.207.423	14.597.554.465
7. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	570.994.915
Các khoản khác	177.821.195	519.516.161
Cộng	177.821.195	1.090.511.076
8. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Xử lý nợ xấu	-	579.861.000
Các khoản bị phạt	1.093.774	1.293.564
Các khoản khác	77.485.648	263.718.394
Cộng	78.579.422	844.872.958
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.149.574.473	15.168.623.971
Chi phí nhân công	53.450.644.718	51.830.752.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.361.677.219	2.326.797.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.998.091.052	33.436.761.860
Chi phí khác bằng tiền	14.890.610.551	16.487.541.209
Cộng	125.850.598.013	119.250.476.846
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.146.783.808	5.112.820.711
2. Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	10.059.774	817.890.958
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.059.774	817.890.958
Chi phí không hợp lệ	10.059.774	817.890.958
3. Thu nhập tính thuế	5.156.843.582	5.930.711.669
- Thuế suất	20%	20%
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.031.368.716	1.186.142.334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.115.415.092	3.926.678.377
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(2.126.129.102)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.126.129.102)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.126.129.102)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.115.415.092	1.800.549.275
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.058	900
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.115.415.092	1.800.549.275
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	4.115.415.092	1.800.549.275
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	2.000.000	2.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.058	900

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban điều hành xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban điều hành giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+100	146.630.674
VND	-100	(146.630.674)
Năm trước		
VND	+100	101.962.146
VND	-100	(101.962.146)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban điều hành của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31/12/2024	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	3.378.646.134	-	-	3.378.646.134
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	17.621.253.596	-	-	17.621.253.596
Cộng	20.999.899.730	-	-	20.999.899.730
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán	927.411.470	-	-	927.411.470
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	18.742.996.605	-	-	18.742.996.605
Cộng	19.670.408.075	-	-	19.670.408.075

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban điều hành Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		31/12/2023		31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.402.067.420	-	10.196.214.596	-	14.402.067.420	10.196.214.596
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	261.000.000	-	-	-	261.000.000	-
- Phải thu khách hàng	45.767.744.342	-	42.022.638.384	-	45.767.744.342	42.022.638.384
- Phải thu khác	312.849.160	-	120.559.447	-	312.849.160	120.559.447
TỔNG CỘNG	60.743.660.922	-	52.339.412.427	-	60.743.660.922	52.339.412.427
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	3.378.646.134	-	927.411.470	-	3.378.646.134	927.411.470
- Chi phí phải trả	17.353.320.142	-	18.294.488.530	-	17.353.320.142	18.294.488.530
- Phải trả khác	267.933.454	-	448.508.075	-	267.933.454	448.508.075
TỔNG CỘNG	20.999.899.730	-	19.670.408.075	-	20.999.899.730	19.670.408.075

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
Hội đồng quản trị				
Ông Đỗ Trọng Nam	Chủ tịch HĐQT	Thù lao, lương, thưởng	758.211.937	840.899.613
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên HĐQT	Thù lao, lương, thưởng	112.228.800	171.420.200
Ông Đinh Văn Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao, lương, thưởng	112.228.800	171.420.200
Ban điều hành				
Ông Đỗ Phục Long	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	Thù lao, lương, thưởng	617.203.089	661.721.857
Ông Nguyễn Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	490.045.914	485.735.215
Ông Phạm Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	Thù lao, lương, thưởng	567.687.915	595.248.307
Ông Phạm Minh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	499.016.415	499.490.518
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	581.486.048	535.245.675
Ban Kiểm soát				
Bà Bùi Thị Anh Đào	Trưởng ban	Thù lao, lương, thưởng	591.132.235	602.174.985
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên BKS	Thù lao, lương, thưởng	95.928.800	141.160.200
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	Thù lao, lương, thưởng	289.214.109	276.260.238
Cộng			4.714.384.061	4.980.777.008

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2024 trên Bảng cân đối kế toán và năm 2023 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

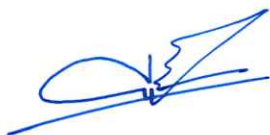
		Năm 2023	Năm 2023	
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.963	900	1.063
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.963	900	1.063
		31/12/2023	01/01/2024	
Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên bảng cân đối kế toán				
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	19.221.900.000	927.411.470	18.294.488.530
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	18.294.488.530	(18.294.488.530)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Hoàng Tuấn Anh

Người lập

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Phục Long

Tổng Giám đốc